

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2026/HS-ST
Ngày 09-6-2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sô.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Càn;
2. Bà Vũ Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Phúc, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 136/2026/TLST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2026/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2026/QĐST-HS, ngày 18/5/2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Tí A, sinh ngày 26/10/1999. Quê quán: Thành phố C; Căn cước công dân số: 0930...; nơi đăng ký thường trú: Ấp M, xã T, thành phố C; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 05/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Út Nh (không rõ năm sinh); bị cáo có 02 anh em, lớn nhất là bị cáo; nhỏ nhất sinh năm 2000.

Tiền án; tiền sự: Không.

Ngày 28/02/2020, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, đến ngày 26/02/2025, bị khởi tố bị can và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Bị cáo vắng mặt.

Bị hại: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1982; thường trú: Ấp T1, xã L, huyện V, tỉnh B (Nay là xã H, tỉnh C); Căn cước công dân số: 0371 ,,,,; tạm trú: Nhà riêng Phạm Thị L, tổ 3, khu phố P, phường T, thành phố TU, tỉnh B, (Nay là phường T, Thành phố H

Vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Trần Văn V, sinh năm 1981; Căn cước công dân số: 0370 ,,,,; thường trú tại: Xóm P, xã Y, tỉnh N.

Vắng mặt không lý do.

2. Ông Trần Văn L, sinh năm 1990; thường trú tại: Ấp M, xã T, thành phố C.

Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Tí A và bà Phạm Thị L, có mối quan hệ quen họ hàng, (Tí A gọi vợ chồng bà L là chú, thím).

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 27/02/2020, Tí A đi bộ đến nhà của bà L thuộc khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Nay là phường Tân Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh) để chơi và xin ngủ lại, bà L đồng ý. Đến khoảng 09 giờ 00 phút sáng ngày 28/02/2020, bà L chở em chồng bà đi bệnh viện, ở nhà chỉ còn Tí A và 02 cháu Nguyễn Thanh H là con bà L và cháu Cao Phạm Trung H là cháu ruột của bà L. Lúc này, Tí A thấy trong phòng khách có 01 chiếc xe mô tô biển số 35B1-528.63 liền nảy sinh ý định chiếm đoạt để sử dụng. Tí A lấy chìa khóa xe trên đầu tủ lạnh rồi điều khiển xe đi thăm bạn gái tại tỉnh An Giang. Hôm sau, ngày 29/02/2020 Tí A điều khiển xe về nhà tại ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ. Đến ngày 02/3/2020 Tí A nảy sinh ý định bán xe để lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, Tí A đi đến nhà của Trần Văn L (L và Tí A có quan hệ họ hàng). Gặp L, Tí A bảo cần bán xe do Tí A mua lại của người khác, không có giấy tờ, L đồng ý mua xe với giá 1.500.000 đồng.

Khoảng 09 giờ 45 phút ngày 28/02/2020, bà L phát hiện xe bị mất, liền điện thoại cho Tí A nhưng không liên lạc được, nghi ngờ Tí A lấy trộm nên bà đến nhà của Tí A tại xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ và biết được Tí A đã lấy xe và bán cho L. Bà L đến Công an xã Tân Phước Hưng trình báo vụ việc, Công an xã Tân Phước Hưng, thu giữ xe mô tô biển số 35B1-528.63 và chuyển giao cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Nay là Công an Thành phố Hồ Chí Minh) xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 15/3/2020, bà L đến Công an phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên (Nay là Công an phường Tân Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh) trình báo sự việc, Công an phường lập hồ sơ và chuyển giao cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Nay là Công an Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý giải quyết theo quy định.

Tại cơ quan điều tra Tí A đã khai nhận hành vi chiếm đoạt xe mô tô biển số: 35B1-528.63 của bà L và đã bán cho L số tiền 1.500.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá số 50/KLTS-TTHS ngày 19/02/2026 của Hội đồng

định giá trong tổ tụng hình sự phường Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Xe mô tô biển số 35B1-528.63 tại thời điểm chiếm đoạt, có giá là 4.800.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm nghìn đồng*).

Qua xác minh, xe mô tô biển số 35B1-528.63 do ông Trần Văn V, sinh năm 1981, thường trú xã Yên Từ, tỉnh Ninh Bình là chủ sở hữu; ông V khai đã bán cho 01 người nam thanh niên (không rõ nhân thân) vào năm 2013 với số tiền 6.000.000 đồng. Bà L khai nhận xe mô tô biển số 35B1-528.63 do bà mua lại của 01 người nam thanh niên (không rõ nhân thân) vào năm 2019 với số tiền 5.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Phạm Thị L yêu cầu được nhận lại xe mô tô biển số 35B1-528.63, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Trần Văn Lễ đã được Tí A bồi thường số tiền 1.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 189/CT-VKSKV17 ngày 30 tháng 3 năm 2026, của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Tí A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa;

Qua thẩm tra chứng cứ và lời khai nhận trong quá trình điều tra của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên nội dung quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn Tí A về tội “Trộm cắp tài sản”. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, i khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tí A mức án từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù, ngoài ra còn yêu cầu xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tuy nhiên, giai đoạn giải quyết tin báo tội phạm, cơ quan điều tra và điều tra viên có vi phạm thời hạn giải quyết tin báo tội phạm theo quy định tại Điều 114, 147 Bộ luật Tố tụng hình sự nên cần rút kinh nghiệm. Việc cơ quan điều tra chậm giải quyết tin báo, chậm khởi tố vụ án, khởi tố bị can để đưa ra truy tố xét xử là không đảm bảo yêu cầu, mọi hành vi phải được xử lý kịp thời, đúng quy định để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa cho xã hội.

[2] Về sự vắng mặt của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo Nguyễn Văn Tí A được áp dụng và chấp hành đúng yêu cầu của lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Tuy nhiên khi Tòa án triệu tập bị cáo Nguyễn Văn Tí A đến tham gia phiên tòa vào các ngày 18/5/2026 và ngày 09/6/2026 nhưng bị cáo không đến tham gia phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Tí A. Việc bị cáo cố tình vắng mặt sẽ được xem xét đánh giá khi hội đồng xét xử quyết định hình phạt.

Đối với bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ, việc vắng của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn Tí A đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng số 189/CT-VKSKV17 ngày 30 tháng 3 năm 2026, của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố. Các lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên tòa. Có đủ cơ sở kết luận: Vào lúc 09 giờ 00 phút, sáng ngày 28/02/2020, tại nhà bà Phạm Thị L thuộc tổ 3, khu phố Phước Hải, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Nay là phường Tân Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh) lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của bà L, bị cáo Nguyễn Văn Tí A đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 35B1-528.63 để sử dụng và sau đó bán lấy tiền tiêu xài. Tại thời điểm chiếm đoạt, xe mô tô có giá trị là 4.800.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi:

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức và biết rõ hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh, trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm để giáo dục và răn đe đối tượng khác và cũng nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Về Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã được thu hồi; đã bồi thường cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Lễ số tiền 1.500.000 đồng từ việc bán xe cho ông Lễ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về hình phạt:

Xét thấy, bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng việc phạm tội của bị cáo là muốn thỏa mãn nhu cầu của bản thân, có tiền tiêu xài mà không muốn tốn sức lao động, bất chấp pháp luật, bất chấp tài sản của người quen mà chiếm đoạt mặc cho hậu quả xảy ra như thế nào. Mặt khác, bị cáo được triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng cố tình vắng mặt là xem thường pháp luật, chưa thể hiện hết sự ăn năn hối hận đối với hành vi phạm tội của mình, nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự, để cách ly bị cáo với xã hội bên ngoài một thời gian đủ dài cho bị cáo có điều kiện tự học tập, cải tạo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Lễ đã được bị cáo bồi thường số tiền 1.500.000 đồng và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Đối với vật chứng:

Bà Phạm Thị L đề nghị được nhận lại xe mô tô nhãn hiệu Honda - Wave, màu xanh, biển số 35B1-528.63, số máy 0127843, số khung 127830.

Xét thấy, xe mô tô biển số 35B1-528.63, số máy 0127843, số khung 127830, là của bà Phạm Thị L mua lại từ một người đàn ông không rõ nhân thân, lời khai này phù hợp với lời khai của ông Trần Văn Vẽ là người đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe và qua xác minh xe cũng không phải là tang vật trong vụ án khác nên cần trả lại cho bà Phạm Thị L theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Như vậy, nội dung Bản Cáo trạng số 189/CT-VKSKV17 ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh và lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Đối với ông Trần Văn Lễ, người đã mua xe do bị cáo chiếm đoạt, khi mua ông Lễ không biết đó là xe do bị cáo chiếm đoạt của người khác nên cơ quan điều tra xác định không có căn cứ để xử lý là đúng.

[12] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Tí A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 173; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tí A 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ

ngày bắt bị cáo để thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Trả lại 01 xe mô tô biển số 35B1-528.63, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu xanh, số máy 0127843, số khung 127830 đã qua sử dụng cho bà Phạm Thị L.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07 tháng 5 năm 2026 giữa Cơ quan điều tra công an Thành phố Hồ Chí Minh với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Tí A phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng PV 06 CA TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND kv 17 -TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS kv 17 -TP.Hồ Chí Minh;
- Bị cáo và Người TGT;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sô